

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 - ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 09-7-2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mận

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Sỹ

Ông Trần Quốc Sự

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mỹ - Thư ký Tòa án Nhân dân Khu vực 7 - Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân Khu vực 7 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*
Bà Nguyễn Thị Mai Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 07 năm 2025, tại trụ sở Tòa án Nhân dân Khu vực 7 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 46/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2025 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn T, xã P, thành phố Đà Nẵng.

2/ *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh V, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn Đ, xã P, thành phố Đà Nẵng.

Các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các phiên hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Thanh V tự nguyện tìm hiểu, xây dựng gia đình có đăng ký kết hôn vào năm 2019 tại UBND xã T, huyện P (nay là xã P, thành phố Đà Nẵng). Trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông V thường xuyên nợ nần, đi làm về không đưa tiền cho bà nuôi con, bỏ bê con cái dẫn tới vợ chồng cãi vã, bất đồng quan điểm. Bà bỏ về nhà ba mẹ ruột bà ở thôn T sinh sống từ năm 2021 đến nay, ông V sống cùng với ba mẹ ông V ở thôn Đ, vợ chồng phân ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Nay bà thấy tình trạng

hôn nhân của vợ chồng bà đã thực sự trầm trọng, bà không còn tình cảm với ông V nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông V. Về nuôi con chung: Vợ chồng bà có 02 con chung là Nguyễn Công V, sinh ngày 11/6/2020 và Nguyễn Lê Hạnh C, sinh ngày 05/5/2025. Khi ly hôn, bà có nguyện vọng trực tiếp nhận nuôi 02 con chung, yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng là 4.000.000 đồng (*mỗi con 2.000.000 đồng/tháng*). Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, các phiên hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Thanh V trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất theo lời khai của bà C về thời gian và điều kiện kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng ông cũng có phát sinh một số mâu thuẫn như: Trước khi kết hôn ông có nợ một số tiền, sau khi kết hôn thì ông cũng có đưa tiền cho vợ chi tiêu trong gia đình nhưng từ khoảng tháng 9/2024 đến nay do ông tập trung vào trả nợ nên không đưa tiền cho vợ dẫn đến vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Tuy nhiên, ông vẫn chu cấp hàng tháng cho con và hiện nay các con còn nhỏ nên ông không muốn vợ chồng ly hôn ảnh hưởng đến các con. Ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà C. Về nuôi con chung: vợ chồng ông có 02 con chung là Nguyễn Công V, sinh ngày 11/6/2020 và Nguyễn Lê Hạnh C, sinh ngày 05/5/2025. Nếu ly hôn, ông có nguyện vọng nhận nuôi 01 trong 02 con chung, giao vợ nuôi 01 con chung còn lại và tự nguyện cấp dưỡng nuôi 01 con mỗi tháng là 2.000.000 đồng. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng; nguyên đơn, bị đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C; Về quan hệ hôn nhân bà Nguyễn Thị C ly hôn với ông Nguyễn Thanh V; Về nuôi con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Công V, sinh ngày 11/6/2020 và Nguyễn Lê Hạnh C, sinh ngày 05/5/2025 cho bà Nguyễn Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi thành niên đủ 18 tuổi, ông V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật; Về tài sản chung, nợ chung các đương sự khai không có, bà C không yêu cầu nên không đề nghị giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị C yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và yêu cầu giải quyết về nuôi con chung khi ly hôn nên xác định quan hệ tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Thanh V có nơi cư trú tại thôn Đ, xã P, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Thanh V tự nguyện tìm hiểu, xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là xã P) vào năm 2019 nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Bà C cho rằng vợ chồng bà thường xuyên xảy ra bất đồng mâu thuẫn do ông V thường xuyên nợ nần, đi làm về không đưa tiền cho bà nuôi con, bỏ bê con cái dẫn tới vợ chồng cãi vã, bất đồng quan điểm, vợ chồng phân ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Ông V cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn là do trước đây ông có nợ riêng trước hôn nhân một số tiền, trong thời kỳ hôn nhân ông cũng có đưa tiền cho vợ chi tiêu trong gia đình nhưng từ tháng 9/2024 đến nay ông lo tập trung trả nợ không đưa tiền cho vợ nên dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn. Tuy nhiên, hàng tháng ông vẫn chu cấp tiền cho con. Ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà C. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết cho đến nay, bà C xác định bà không còn tình cảm với ông V nữa và cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông V. Hội đồng xét xử thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông V đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Nguyễn Thị C được ly hôn với ông Nguyễn Thanh V.

[2.2] Về nuôi con chung: Vợ chồng bà C và ông V có 02 con chung là Nguyễn Công V, sinh ngày 11/6/2020 và Nguyễn Lê Hạnh C, sinh ngày 05/5/2025. Nếu ly hôn, bà C có nguyện vọng nhận nuôi 02 con, ông V có nguyện vọng nhận nuôi 01 trong 02 con.

Xét thấy: bà C và ông V đều có nguyện vọng được nuôi con là nguyện vọng chính đáng. Tuy nhiên, để đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt cho các con thì thấy, hiện nay hai con đang sống với bà C tại nhà mẹ ruột của bà C tại thôn T, xã P, đối với cháu V, cháu được bà C trực tiếp nuôi dưỡng từ nhỏ đến nay, cháu được nuôi dạy tốt và phát triển bình thường; đối với cháu C hiện còn quá nhỏ mới hơn hai tháng tuổi, cần sự chăm sóc của người mẹ. Bà C có thu nhập ổn định, đảm bảo điều kiện về chỗ ở, có đầy đủ các điều kiện để chăm sóc các con, đảm bảo sự phát triển về thể chất, học tập và các điều kiện cho sự phát triển về tinh thần của con. Xét về công việc của ông V phải đi làm xa, thường xuyên di chuyển cũng sẽ gặp khó khăn trong việc đảm bảo cho con được nuôi dưỡng, chăm sóc một cách đầy đủ. Hơn nữa, ông V thừa nhận có nợ nần nên lo làm trả nợ, không có nhiều thời gian về thăm con, không chu cấp

tiền thường xuyên để lo cho con thể hiện việc thiếu trách nhiệm trong việc nuôi dạy và chăm sóc các con từ trước tới nay. Vì vậy, giao hai con chung cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con, phù hợp theo quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con, bà C yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi 02 con chung Nguyễn Công V và Nguyễn Lê Hạnh C mỗi con là 2.000.000 đồng/tháng. Căn cứ vào nhu cầu thực tế và theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử quyết định buộc ông V cấp dưỡng nuôi 02 con chung Nguyễn Công V, Nguyễn Lê Hạnh C mỗi con mỗi tháng là 2.000.000 (*Hai triệu*) đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NĐ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Nghị định 74/2024/NĐ-CP của Chính phủ, Nghị định 128/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

[2.3] Về chia tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; ông V phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Điểm a khoản 5 Điều 27, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Nghị định 74/2024/NĐ-CP ngày 30-6-2024 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động;

Nghị định 128/2025/NĐ-CP ngày 11-6-2025 của Chính Phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong quản lý Nhà nước lĩnh vực nội vụ.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Thanh V ly hôn.

2. Về nuôi con chung: Giao 02 con chung Nguyễn Công V, sinh ngày 11/6/2020 và Nguyễn Lê Hạnh C, sinh ngày 05/5/2025 cho bà Nguyễn Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên (*đủ 18 tuổi*). Ông Nguyễn

Thanh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung, mỗi con 2.000.000 (hai triệu) đồng/tháng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà C đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018136, ngày 09 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Quảng Nam (Nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7, thành phố Đà Nẵng). Ông Nguyễn Thanh V phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (09-7-2025).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND Khu vực 7;
- Phòng THADS Khu vực 7;
- UBND xã Phú Ninh;
- (Số 28/2019 ngày 18/9/2019)
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Mận

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam.
- Chi cục THA dân sự huyện Phú Ninh .
- VKSND huyện Phú Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mận

	HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM	
Các Hội thẩm nhân dân		Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Số:.../2017/QĐST-HNGĐ

Phú Ninh, ngày 30 tháng 3 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH
HOÃN PHIÊN TÒA**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ NINH, TỈNH QUẢNG NAM

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Sỹ.

2. Bà Huỳnh Thị Bích Phi.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mận là Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Triệu Tin - Kiểm sát viên.

Đã tiến hành mở phiên tòa sơ thẩm xét xử vụ án dân sự thụ lý số: 175/2016/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 12 năm 2016 về việc “Tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con, trách nhiệm trả nợ chung khi ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2017.

Xét thấy bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ mà vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và Điều 233, 235 của Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Hoãn phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 175/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2017.

2. Thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa xét xử vụ án được ấn định như sau:

Phiên tòa dân sự sơ thẩm sẽ được mở lại vào hồi 07 giờ 30 phút ngày 14 tháng 4 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam. Địa chỉ: Thị trấn Phú Thịnh, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam.

Nơi nhận:

- Anh Lý;
- VKSND huyện Phú Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Quân

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 49-DS:

(1) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định hoãn phiên toà; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) nào (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định hoãn phiên toà (ví dụ: Số: 89/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi họ tên của Thư ký Tòa án và tên Tòa án nơi thư ký Tòa án công tác như hướng dẫn tại điểm (1).

(4) Nếu có Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên toà thì ghi như hướng dẫn tại điểm (1) song đổi các chữ “Tòa án nhân dân” thành “Viện kiểm sát nhân dân”.

(5) Ghi số, ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: số 30/2017/TLST-LĐ).

(6) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).

(7) Ghi số, ngày, tháng, năm của Quyết định đưa vụ án ra xét xử (ví dụ: số 02/2017/QĐXXST-LĐ ngày 20 tháng 01 năm 2017).

(8) Ghi rõ lý do của việc hoãn phiên toà dân sự sơ thẩm thuộc trường hợp cụ thể nào quy định tại điều luật tương ứng của Bộ luật tố tụng dân sự được nêu tại khoản 1 Điều 233 của Bộ luật tố tụng dân sự (ví dụ: Xét thấy nguyên đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vắng mặt tại phiên toà lần thứ nhất vì lý do tai nạn lao động).

(9) Tùy từng trường hợp cụ thể mà ghi điều luật tương ứng của Bộ luật tố tụng dân sự (ví dụ: nguyên đơn vắng mặt lần thứ nhất có lý do chính đáng (bị tai nạn lao động phải đi cấp cứu tại bệnh viện) quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì ghi: “Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và Điều 233 của Bộ luật tố tụng dân sự”).

(10) Ghi rõ thời gian, địa điểm mở lại phiên toà dân sự sơ thẩm (ví dụ: Phiên toà dân sự sơ thẩm sẽ được mở lại vào hồi 08.00 giờ ngày 18 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận 1, thành phố H), địa chỉ số....phố...phường....quận 1, thành phố H. Trong trường hợp chưa ấn định được thì ghi “Thời gian, địa điểm mở lại phiên toà xét xử vụ án sẽ được Tòa án thông báo sau”.

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi... giờ...phút, ngày 30 tháng 3 năm 2017.

Tại:⁽²⁾

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Sỹ.
2. Bà Huỳnh Thị Bích Phi.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 175/2016/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2016 về “Tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con, trách nhiệm trả nợ chung khi ly hôn” giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ, sinh năm 1979. Địa chỉ: Thôn Thạnh Hòa 2, xã Tam Đàn, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam.

Bị đơn: Anh Lê Thiên Lý, sinh năm 1976. Địa chỉ: Thôn Thạnh Hòa 2, xã Tam Đàn, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội (NHCSXH) Việt Nam. Địa chỉ: Tòa nhà CC5, bán đảo Linh Đàm, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Do ông Nguyễn Dương Quang, chức vụ: Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện Phú Ninh đại diện theo ủy quyền, theo quyết định ủy quyền số 4716/QĐ-NHCS ngày 25/11/2016 của Tổng giám đốc NHCSXH Việt Nam và Quyết định số 25/QĐ-NHCS ngày 14/3/2017 của Giám đốc Phòng giao dịch NHCSXH huyện Phú Ninh.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU⁽⁹⁾**

.....
.....

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 30 tháng 3 năm 2017.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 51-DS:

(1) Ghi tên Toà án tiến hành phiên hoà giải và lập biên bản hoà giải thành; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H). Nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh, (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân tỉnh H).

(2) Ghi địa điểm nơi tiến hành phiên toà (ví dụ: Tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh N; hoặc: Tại Hội trường Ủy ban nhân dân huyện S, thành phố H).

(3) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm thì ghi “sơ thẩm”; nếu Hội đồng xét xử phúc thẩm thì ghi “phúc thẩm”.

(4) Ghi đầy đủ tên thành viên Hội đồng xét xử.

(5) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý và ô thứ ba nếu tại cấp sơ thẩm thì ghi “TLST”, nếu tại cấp phúc thẩm thì ghi “TLPT”; ô thứ tư nếu là tranh chấp về dân sự thì ghi “DS”; nếu là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thì ghi “HNGĐ”; nếu là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thì ghi “KDTM”; nếu là tranh chấp về lao động thì ghi “LĐ” (ví dụ: số 18/2017/TLST-HNGĐ).

(6) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).

(7) Ghi đầy đủ tên của các đương sự tương ứng với tư cách đương sự trong vụ án.

(8) Nếu thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi tập quán, tương tự pháp luật, những nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ, hoặc lễ công bằng (nếu có).

(9) Ghi các ý kiến thảo luận, biểu quyết và quyết định của Hội đồng xét xử theo từng vấn đề của vụ án, nếu có ý kiến khác thì ghi rõ ý kiến của thành viên Hội đồng xét xử có ý kiến khác.